

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-02-2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa
chị Phạm Thị H và anh Nguyễn
Đức T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Anh.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1989; căn cước công dân số: 036189009022; nơi cư trú: Số nhà 12/418 Đ, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 036086006885; nơi cư trú: Số nhà 12/418 Đ, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 08-01-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lộc Hòa (nay là phường Lộc Hòa),

thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 10-12-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 16 tháng 3 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị phát hiện anh T có tin nhắn tình cảm với người khác làm cùng công ty. Anh T đã thừa nhận và hứa sẽ chấm dứt mối quan hệ với người phụ nữ đó nhưng từ đó tình cảm vợ chồng đã không còn được như trước. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, không còn tin tưởng nhau. Đến ngày 01-01-2024, vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh T đã đánh chị nên chị đã chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

- Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là: Nguyễn Minh Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2015; Nguyễn Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-3-2020. Hiện nay 02 cháu đang ở với bố. Nếu ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L do cháu là con gái và còn nhỏ; còn anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đ do cháu là con trai và đang học tại thành phố Nam Định. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 12-01-2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lộc Hòa (nay là phường Lộc Hòa), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 10-12-2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị H nghi ngờ anh có mối quan hệ với người con gái khác. Anh và chị H đã cùng nhau nói chuyện và cả hai đã thống nhất không đề cập về vấn đề này. Tuy nhiên đến ngày 01-01-2024, trong lúc hai vợ chồng đi chơi có xảy ra cãi vã nên anh có tát chị H nhưng không trúng mặt nên chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó. Anh và hai bên gia đình đã nhiều lần nói chuyện với chị H để giải quyết mâu thuẫn nhưng chị H không đồng ý. Nay chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và mong muốn Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng có thể đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

- Về nuôi con chung: Anh và chị Phạm Thị H có 02 con chung là: Nguyễn Minh Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2015; Nguyễn Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-3-2020. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản thu thập chứng cứ về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, đại diện tổ dân phố số 01 Tân An, phường L, thành phố Nam Định nơi chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T đăng ký thường trú cung cấp:

Vợ chồng chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Lộc Hòa (nay là phường Lộc Hòa), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 10-12-2014. Sau khi kết hôn chị H, anh T sinh sống tại địa phương và đăng ký thường trú tại: Số nhà 12/418 Đ, phường L, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Chị H và anh T có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26-6-2015; Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 26-3-2020. Đại diện tổ dân phố không biết nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh T. Đại diện tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Tại đơn đề ngày 16-01-2024 của cháu Nguyễn Minh Đ, cháu Nguyễn Minh Đ trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với bố để tiện cho việc học tập và sinh hoạt.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong việc xét xử vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L; anh Nguyễn Đức T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Quan hệ tranh chấp:*

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Phạm Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Nguyễn Đức T, giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Bị đơn là anh Nguyễn Đức T không có yêu cầu phản tố. Do vậy quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Đức T đã được triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

3.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Hòa (nay là phường Lộc Hòa), thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định vào ngày 10-12-2014. Như vậy hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T là hôn nhân hợp pháp. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T đều trình bày do chị H nghi ngờ anh T có quan hệ với người khác giới. Mặc dù hai vợ chồng đã nói chuyện để hòa giải mâu thuẫn nhưng từ đó vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Đến ngày 01-01-2024, trong lúc hai vợ chồng xảy ra cãi nhau, anh T có đánh chị H nên chị H đã bỏ về ở nhà bố mẹ đẻ của chị để ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 01-01-2024 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng quay về đoàn tụ cùng nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị H: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2. Về nuôi con chung:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T có 02 con chung là Nguyễn Minh Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2015; Nguyễn Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-3-2020.

Chị Phạm Thị H đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L và giao cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đ. Anh Nguyễn Đức T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử sẽ giao cho anh Nguyễn Đức T và chị Phạm Thị H mỗi người nuôi 01 con. Xét cháu Nguyễn Minh Đ là con trai và cháu có nguyện vọng được ở với bố; cháu Nguyễn Ngọc L là con gái và cháu còn nhỏ, vì

vậy Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Minh Đ cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; giao cháu Nguyễn Ngọc L cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Vì cháu Nguyễn Ngọc L đang ở với anh Nguyễn Đức T nên buộc anh T giao cháu Nguyễn Ngọc L để chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Vì Hội đồng xét xử giao cho chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T mỗi người nuôi 01 con, cả chị H và anh T đều có điều kiện nuôi con nên chị H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

3.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] *Án phí ly hôn sơ thẩm*:

Chị Phạm Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị H đã nộp được khấu trừ vào tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc L (giới tính: Nữ), sinh ngày 26-3-2020; anh Nguyễn Đức T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Minh Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 26-6-2015 sau khi vợ chồng ly hôn.

Buộc anh Nguyễn Đức T giao cháu Nguyễn Ngọc L để chị Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

3. Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được hạn chế, cản trở các quyền này.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con chung

4. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

5. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001899 ngày 04-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

6. Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định;
- Chi cục Thi hành án thành phố Nam Định;
- UBND phường Lộc Hòa (Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2014);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mai Anh